



THỨ TƯ TUẦN THÁNH

Hôm nay cuộc khổ nạn của Chúa như hiện ra rõ rệt hơn. Các kinh lễ đều nhắc đến những đau khổ của Chúa, báo trước ơn cứu chuộc như cái chết của Người. Chúa Giêsu đã tự hạ đến chết trên Thánh Giá để cứu chuộc loài người.

CA NHẬP LỄ

Intr.
3.

I

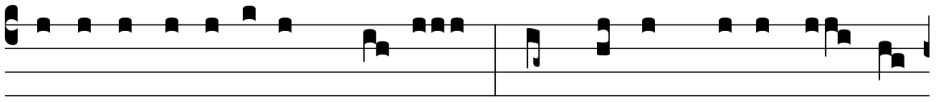
N nómi-ne Dómi-ni * omne genu fle-ctá-tur,

cae-lésti-um, ter-ré-stri-um et infer-nó-rum : qui-

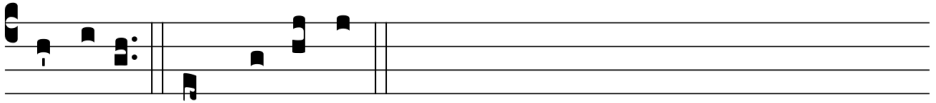
a Dóminus factus obé-di-ens usque ad mor-tem, mor-

tem autem cru-cis : íd-e-o Dóminus Je-sus Chri-

stus in gló-ri-a est De-i Pa-tris. Ps. Dómi-ne ex-



áudi o-ra-ti-ónem me- am : * et clamor me- us ad te



vé-ni- at. In nómi-ne.

In nómine Iesu omne genu flectátur, coeléstium, terréstrium et infernórum: quia Dóminus factus est obœdiens usque ad mortem, mortem autem crucis: ideo Dóminus Iesus Christus in glória est Dei Patris

Ps. Dómine, exáudi oratiómem meam: et clamor meus ad te véniat.

In nómine ...

Nghe tên Chúa Giêsu, mọi loài trên trời dưới đất, và trong hỏa ngục đều quỳ gối, vì Chúa đã tự hạ vâng lời cho đến chết, chết trên thập giá. Vì thế Đức Giêsu Kitô là Chúa ở trong vinh quang của Thiên Chúa Cha.

Cv. Lạy Chúa, xin nghe lời con cầu xin, và cho lời con kêu thấu tới Chúa.

Nghe tên ...

LỜI NGUYỆN I

Orémus.

Flectámus genua.

Leváte.

Præsta, quæsumus, omnípotens Deus: ut, qui nostris excéssibus incessánter affligimur, per unigéniti Fílii tui passiónem liberémur. Qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus per ómnia sæcula sæculórum.

Chúng ta hãy cầu nguyện

Chúng ta hãy quỳ gối xuống.

Hãy đứng lên.

Lạy Chúa toàn năng, chúng tôi luôn luôn bị trói buộc trong vòng tội lỗi, xin hãy cứu chúng tôi, vì công nghiệp khổ nạn của Con Một Chúa. Đáng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

BÀI ĐỌC I

Isaia 62, 11 & 63, 1-7

Hæc dicit Dóminus Deus: Dícite filia Sion: Salvátor tuus venit: ecce, merces

Đây Thiên Chúa phán: “Hãy bảo dân thành Sion: này Đấng cứu độ người

eius cum eo. Quis est iste, qui venit de Edom, tinctis véstibus de Bosra? Iste formósus in stola sua, grádiens in multitudíne fortítudinis suæ. Ego, qui loquor iustítiam, et propugnátor sum ad salvándum. Quare ergo rubrum est indumentum tuum, et vestiménta tua sicut calcántium in torculári? Tórcuar calcávi solus, et de géntibus non est vir mecum: calcávi eos in furóre meo, et conculcávi eos in ira mea: et aspérsus est sanguis eórum super vestiménta mea, et ómnia indumentá mea inquinávi. Dies enim uliónis in corde meo, annus redemptiónis meæ venit. Circumpéxi, et non erat auxiliátor: quæsívi, et non fuit, qui adiuváret: et salvávit mihi bráchium meum, et indignátio mea ipsa auxiliáta est mihi. Et conculcávi pópulos in furóre meo, et inebriávi eos in indignatióne mea, et detráxi in terram virtútem eórum. Miseratiónum Dómini recordábor, laudem Dómini super ómnibus, quæ réddidit nobis Dóminus, Deus noster.

đến và mang theo phần thưởng. Người là ai, Đấng từ Edom, từ Bosra đến, với y phục rực rỡ, với chiếc áo huy hoàng, dong dạc tiến lên. Ta là Đấng tuyên xưng đức công chính, và chiến đấu để giải thoát. Sao áo dài Người hoen đỏ và quần áo lại giống như quần áo những thợ ép nho? Chỉ có một mình Ta ở giường ép nho, và dân chúng chẳng ai giúp đỡ Ta. Ta bực tức giầy đập chúng, giận dữ giầy xéo chúng, và máu chúng đã vọt lên áo dài và làm ố cả quần áo Ta. Vì Ta đã muốn ngày báo oán, năm cứu thoát đã đến. Ta tìm chung quanh chẳng thấy ai giúp đỡ, Ta xin, nhưng chẳng có ai nâng đỡ. Ta đã giầy đập dân chúng trong cơn thịnh nộ, Ta đã nghiền nát chúng trong lúc giận dữ, Ta đã đổ máu chúng trên đất.” Ta nhớ lại lòng nhân từ của Chúa, Ta ca tụng Chúa vì tất cả những việc Chúa đã làm cho chúng ta.

CA TÂM NIỆM

Grad.
2.

N È avér-tas * fá-ci-em tu-am a
pú-e-ro tu-o, quó-ni-am trí-

bu-lor : ve-ló-ci-ter ex-
 áudi me. Ψ. Salvum me fac
 De-us, quó-
 ni-am in-travé-runt aquae usque ad á-ni-mam
 me-am : in-fí-xus sum in li-mo
 pro-fún-di, et non est * substánti-a.

Ne avértas fáciem tuam a púero tuo, quóniam tríbulor: velóciter exáudi me. Salvum me fac, Deus, quóniam in-travérunt aquæ usque ad ánimam meam: infixus sum in limo profúndi, et non est substántia.

Xin Chúa đừng ngoảnh mặt đi khỏi tôi tớ Chúa; vì con đang sàu khổ, xin Chúa hãy mau nghe lời con. Lạy Chúa hãy cứu con, vì nước đã tràn ngập hồn con. Con bị sa chốn bùn lầy vực sàu, không còn chỗ nương tựa.

LỜI NGUYỆN II

Deus, qui pro nobis Fílium tuum Crucis patíbulum subire voluísti, ut inimíci a nobis expélleres potestatem: concéde nobis fámulis tuis; ut resurrectiόνis grátiam consequámur. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum Fílium tuum, qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti, Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Lạy Chúa, Chúa đã muốn cho Con Chúa chịu chết trên Thánh Giá vì chúng tôi, để cứu chúng tôi khỏi sức mạnh của thù địch, xin Chúa cho chúng tôi được hưởng nhờ ơn phục sinh Chúa. Vì cũng một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cũng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

BÀI ĐỌC II

Isaia 53, 1–12

In diébus illis: Dixit Isaías: Dómine, quis crédidit audí tui nostro? et bráchium Dómini cui revelátum est? Et ascéndet sicut virgúltum coram eo, et sicut radix de terra sitiénti: non est spécies ei neque decor: et vídimus eum, et non erat aspéctus, et desiderávimus eum: despéctum et novíssimum virórum, virum dolórum, et sciéntem infirmitátem: et quasi absconditus vultus eius et despéctus, unde nec reputávimus eum. Vere languóres nostros ipse tulit, et dolóres nostros ipse portávit: et nos putávimus eum quasi leprósum, et percússum a Deo, et humiliátum. Ipse autem vulnerátus est propter iniquitátes nostras, attrítus est propter scélera nostra:

Ngày ấy, Tiên Tri Isaia giảng rằng: “Ai tin được lời chúng tôi đã nghe? Ai có thể nhận biết cánh tay Chúa? Người mọc lên như một chồi cây, rễ ăn sâu xuống đất khô, Người không có vẻ diễm lệ tươi tốt để chúng ta chiêm ngưỡng Người, Người chẳng có dáng điệu xinh tươi để chúng ta yêu thích Người. Người bị khinh chê là hạng cùng đĩnh, một con người đau khổ, ốm yếu, mặt mày đầy dạn vì bị khinh chê sỉ nhục, và ta không còn muốn nhìn đến. Nhưng thực chính Người đã mang lấy những yếu hèn của chúng ta và chịu lấy những đau khổ của chúng ta. Vậy mà chúng ta coi Người như tội nhân, bị Thiên Chúa, đầy đọa như một người phạm hèn. Nhưng chính vì tội chúng ta mà Người bị đập

disciplína pacis nostræ super eum, et livóre eius sanáti sumus. Omnes nos quasi oves errávimus, unusquisque in viam suam declinávit: et pósuit Dóminus in eo iniquitátem ómnium nostrum. Oblátus est, quia ipse vóluit, et non apéruit os suum: sicut ovis ad occisiónem ducátur, et quasi agnus coram tondénte se obmutéscet, et non apériet os suum. De angústia et de iudício sublátus est: generatiónem eius quis enarrábit? quia abscíssus est de terra vivéntium: propter scelus pópuli mei percússi eum. Et dabit ímpios pro sepultúra, et dívitem pro morte sua: eo quod iniquitátem non fécerit, neque dolus fúerit in ore eius. Et Dóminus vóluit contérrere eum in infirmitáte: si posúerit pro peccáto ánimam suam, vidébit semen longævum, et volúntas Dómini in manu eius dirigátur. Pro eo, quod laborávit ánimam eius, vidébit, et saturábitur: in sciéntia sua iustificábit ipse iustus servus meus multos, et iniquitátes eórum ipse portábit. Ideo dispértiam ei plúrimos: et fórtium dívidet spólia, pro eo, quod trádidit in mortem ánimam suam, et cum scelerátis reputátus est: et ipse peccáta multórum tulit, et pro transgressóribus rogávit.

đánh, vì tội chúng ta mà Người phải sàu tui. Cái hình phạt đem lại cho chúng ta ơn cứu thoát lại đổ trên mình Người, và những vết tử thương của Người đã chữa chúng ta lành mạnh. Chúng ta hết thấy lạc lõng như đoàn vật, mỗi con mỗi ngã, còn Thiên Chúa đã đổ trên đầu Người mọi tội ác của chúng ta. Người bị hành hạ, Người vui lòng chịu không ta thán, như chiên bị đem đi giết, như cừu trước thợ xén lông, không một lời kêu ca. Người chẳng hề mở miệng. Người chịu hành hạ, sau khi đã bị xét xử. Người đương thời có ai nghĩ rằng: Người đã bị khai trừ khỏi thế giới kẻ sống và bị tử hình vì tội lỗi dân ta chẳng? Người ta đã dành cho Người một ngôi mộ giữa những người tội ác, và phải chết cùng với những người bất nhân, mặc dầu Người không làm gì bất chính, miệng Người không nói gì gian ngoa. Thiên Chúa đã muốn Người chịu khổ cực. Nếu Người hiến mạng sống làm lễ vật cứu chuộc, dòng dõi Người sẽ được bền vững lâu dài, và kế hoạch của Thiên Chúa là do tay Người điều khiển. Được thấy kết quả của đau khổ mình đã chịu, Người sẽ được an ủi. Người sẽ làm cho nhiều người được nên công chính và chính Người sẽ mang lấy tội ác của họ. Vì thế, Người sẽ được dự phần với những bậc vĩ nhân và được chia những của đã tước

đoạt, vì Người đã hiến thân chịu chết và bị coi vào hạng các tội nhân, mặc dầu Người mang lấy tội của quần chúng và đã cầu bầu cho họ.

CA LIÊN XƯƠNG

Tract.
2.

D

Omi- ne,

* ex-áu- di o-ra-

ti- ónem me- am,

et cla- mor me-

us ad te vé- ni- at.

¶. Ne avér-

tas fá- ci- em tu-

am a me :

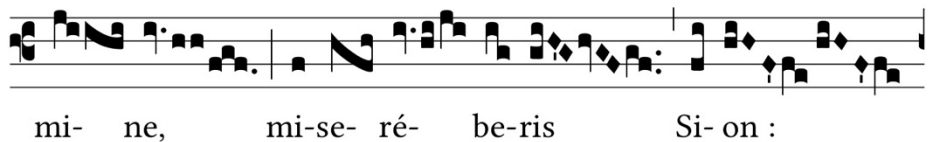
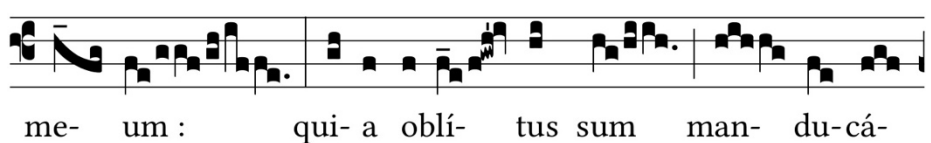
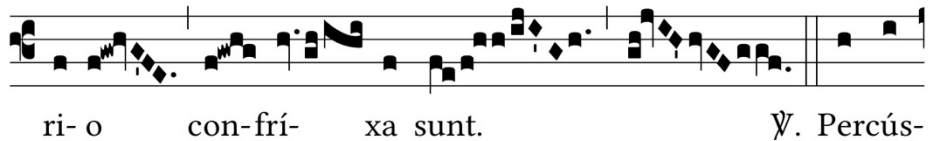
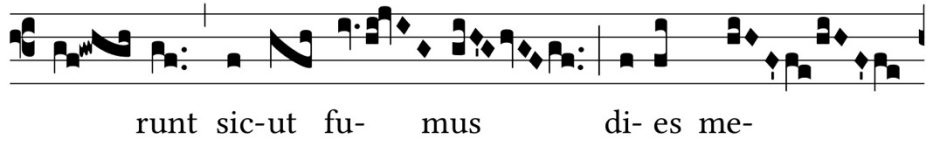
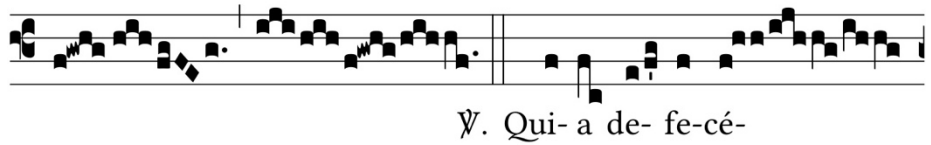
in qua- cúmque di- e trí- bu-

lor, inclí- na ad me

aurem tu-

am.

¶. In qua- cúmque di- e invo- cá- ve-



qui a ve-nit tem- pus mi- se-rén-
di * e- jus.

Dómine, exáudi oratió-nem meam, et clamor meus ad te véniat. Ne avértas fáciem tuam a me: in quacúmque die tríbulor, inclína ad me aurem tuam. In quacúmque die invocávero te, velóciter exáudi me. Quia defecérunt sicut fumus dies mei: et ossa mea sicut in frixório confríxa sunt. Percússus sum sicut fænum, et áruit cor meum: quia oblítus sum manducáre panem meum. Tu exsúrgens, Dómine, miseréberis Sion: quia venit tempus miseréndi eius.

Lạy Chúa, xin nghe lời con cầu nguyện, và cho lời con kêu lên tới Chúa. Chúa đừng ngoảnh mặt đi khỏi con; ngày con khổ cực, xin lắng tai nghe con. Khi con kêu cầu Chúa, Chúa hãy mau nghe lời con. Vì đời con tiêu tan như làn khói, xương con nóng chảy như lửa hồng. Con bị tàn tạ như cỏ úa, tâm hồn con tàn héo, vì con không còn muốn ăn. Nhưng lạy Chúa, xin Chúa hãy trở dậy xót thương Sion, vì đã đến giờ Chúa ban ơn cho họ.

PHÚC ÂM

Pássio Dómini nostri Iesu Christi secúndum Lucam.

In illo témpore: Egréssus Iesus ibat secúndum consuetúdinem in montem Olivárum. Secúti sunt autem illum et discípuli. Et cum pervénisset ad locum, dixit illis:

✠ Oráte, ne intrétis in tentatió-nem.

Bài Thương Khó Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, theo thánh Luca.

Khi ấy, Người ra đi đến núi Cây Dầu như đã quen, các môn đệ Người cũng đi theo. Đến nơi, Người bảo các môn đệ rằng:

✠ Hãy cầu nguyện kẻo sa chước cám dỗ.

C. Et ipse avulsus est ab eis, quantum iactus est lapidis, et pòsitis génibus orábat, dicens:

✠ Pater, si vis, transfer cálicem istum a me: verúm tamen non mea volúntas, sed tua fiat.

C. Appáruit autem illi Angelus de cœlo, cœnfórtans eum. Et factus in agónia, prolíxius orábat. Et factus est sudor eius, sicut guttæ sánguinis decurréntis in terram. Et cum surrexisset ab oratióne, et venisset ad discipulos suos, invénit eos dormiéntes præ tristítia. Et ait illis:

✠ Quid dormítis? Súrgite, oráte, ne intrétis in tentatióne.

C. Adhuc eo loquén-te, ecce turba: et qui vocabátur Iudas, unus de duódecim, antecedébat eos: et appropinquávit Iesu, ut oscularétur eum. Iesus autem dixit illi:

✠ Iuda, ósculo Fílium hóminis tradis?

C. Vidéntes autem hi, qui circa ipsum erant, quod futúrum erat, dixerunt ei:

S. Dómine, si percútimus in gladio?

C. Et percússit unus ex illis servum príncipis sacerdotum, et amputávit aurículam eius dexteram. Respóndens autem Iesus, ait:

Rồi Người đi xa các ông bằng ném hòn đá, đoạn Người quỳ xuống mà cầu nguyện:

✠ Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin cất chén này xa Con, nhưng xin đừng theo ý Con, một xin theo ý Cha.

Một sứ thần từ trời xuống an ủi Người. Người hấp hối và cầu nguyện thiết tha hơn, mồ hôi Người chảy xuống đất như những giọt máu to. Nguyện rồi, Chúa đứng dậy, trở lại với các môn đệ. Người thấy các ông đang ngủ vì buồn, và Người bảo các ông rằng:

✠ Sao chúng con ngủ? Hãy dậy và cầu nguyện để khỏi sa chước cám dỗ.

Người đang nói, thì lũ đông ập tới. Juda một trong số Mười hai dẫn đầu. Hấn lại gần Chúa Giêsu để hôn Người, Chúa bảo hấn:

✠ Juda, người mượn cái hôn để nộp Con Người ư?

Những người cùng ở đó với Chúa Giêsu thấy công việc sắp xảy ra, thưa Người:

“Thưa Thầy, chúng con tuốt gươm chém chằng?”

Và một người trong các ông chém tên đầy tớ vị đại giáo trưởng, làm hấn đứt mắt tai phải. Chúa Giêsu liền bảo:

✠ Sínite usque huc.

C. Et cum tetigisset aurículam eius, sanávit eum. Dixit autem Iesus ad eos, qui vénerant ad se, príncipes sacerdotum et magistrátus templi et senióres:

✠ Quasi ad latrónem exístis cum gládiis et fústibus? Cum cotidie vobíscum fúerim in templo, non extendístis manus in me: sed hęc est hora vestra et potéstas tenebrárum.

C. Comprehendéntes autem eum, duxérunt ad domum príncipis sacerdotum: Petrus vero sequebátur a longe. Accénso autem igne in médio átrii, et circumsedéntibus illis, erat Petrus in médio eórum. Quem cum vidísset ancílla quædam sedéntem ad lumen, et eum fuísset intúíta, dixit:

S. Et hic cum illo erat.

C. At ille negávit eum, dicens:

S. Múlier, non novi illum.

C. Et post pusíllum álius videns eum, dixit:

S. Et tu de illis es.

✠ Thôi dừng lại

Rồi Người sờ vào tai người ấy mà chữa nó. Đoạn Chúa Giêsu bảo những kẻ đến bắt Người, tức là những đại giáo trưởng, các đội trưởng đền thờ và các kỳ lão:

✠ Các ông mang gươm giáo gây gộc đến bắt Ta như bắt một tên gian ác? Hằng ngày Ta ở giữa các ông trong đền thờ mà các ông không bắt. Nhưng bây giờ đây, là giờ các ông, giờ uy quyền của tối tăm.

TRƯỚC TÒA CAIPHA – PHÊRÔ CHỐI THẦY

Bắt được Người rồi, chúng giải Người đến nhà đại giáo trưởng, Phêrô theo đằng xa. Chúng nhóm lửa ở sân, Phêrô đến ngồi giữa bọn chúng. Một đứa tớ gái thấy Phêrô ngồi gần lửa, nó nhìn ông và nói:

“Ông này cũng ở với người đó.”

Phêrô liền chối:

“Này cô, tôi không biết người ấy.”

Được một lúc, người khác thấy ông lại nói:

“Cả bác nữa, cũng là người trong bọn chúng.”

C. Petrus vero ait:

S. O homo, non sum.

C. Et intervállo facto quasi horæ unús, álius quidam affirmábat, dicens:

S. Vere et hic cum illo erat: nam et Galilæus est.

C. Et ait Petrus:

S. Homo, néscio, quid dicis.

C. Et contínuo adhuc illo loquente cantávit gallus. Et convérsus Dóminus respéxit Petrum. Et recordátus est Petrus verbi Dómini, sicut díxerat: Quia priúsqvam gallus cantet, ter me negábis. Et egréssus foras Petrus flevit amáre. Et viri, qui tenébant illum, illudébant ei, cædéntes. Et velavérunt eum et percutiébant fáciem eius: et interrogábant eum, dicéntes:

S. Prophetíza, quis est, qui te percússit?

C. Et alia multa blasphemántes dicébant in eum. Et ut factus est dies, convenérunt senióres plebis et príncipes sacerdotum et scribæ, et duxérunt illum in concílium suum, dicentes:

S. Si tu es Christus, dic nobis.

C. Et ait illis:

Phêrô đáp:

“Này ông, tôi không thuộc bọn họ.”

Chỉ trong một giờ sau, có người lại quả quyết:

“Đúng rồi, ông kia cũng ở với người đó, vì ông là người Galilê.”

Nhưng Phêrô đáp:

“Này ông tôi không biết ông nói gì.”

Đang lúc ông nói, tức khắc gà liền gáy. Chúa liền quay lại trông Phêrô. Ông liền nhớ lời Chúa bảo: “Hôm nay, trước khi gà gáy, con đã chối Ta ba lần.” Rồi ông ra ngoài khóc lóc thảm thiết. Những kẻ canh giữ Chúa Giê-su sỉ vả đập đánh Người. Chúng lấy chiếc khăn bịt mắt Người rồi tát và nói:

“Hãy bói xem ai đánh ông?”

Và chúng còn nói nhiều điều xúc phạm đến Người. Trời vừa sáng, các kỳ lão trong dân, các đại giáo trưởng và luật sĩ đã họp hội đồng, họ giải Người ra công đường. Chúng hỏi Người:

“Ông có phải là Đấng Kitô, hãy nói cho chúng tôi hay.”

Người đáp lại:

✠ Si vobis dixerō, non credētis mihi: si autem et interrogávero, non respondébitis mihi, neque dimittētis. Ex hoc autem erit Fílius hóminis sedens a dextris virtútis Dei.

C. Dixérunt autem omnes:

S. Tu ergo es Fílius Dei?

C. Qui ait:

✠ Vos dicitis, quia ego sum.

C. At illi dixerunt:

S. Quid adhuc desiderámus testimónium? Ipsi enim audívimus de ore eius.

C. Et surgens omnis multitúdo eórum, duxérunt illum ad Pilátum. Coepérunt autem illum accusáre, dicéntes:

S. Hunc invénimus subverténtem gentem nostram, et prohibéntem tribúta dare Cæsari, et dicéntem se Christum regem esse.

C. Pilátus autem interrogávit eum, dicens:

S. Tu es Rex Iudæórum?

C. At ille respóndens, ait:

✠ Nếu Tôi có nói với các ông, các ông sẽ không tin, và Tôi có hỏi các ông, các ông cũng chẳng trả lời. Nhưng từ đây, Con Người sẽ ngự bên hữu Thiên Chúa toàn năng.

Tất cả đều hỏi Người:

“Thế ra ông là Con Thiên Chúa ư?”

Người đáp:

✠ Các ông nói Tôi thế là đúng.

Chúng la lên:

“Ta cần chi chứng cứ nữa, ta đã nghe chính hắn nói ra.”

TRƯỚC TÒA PHILATÔ VÀ HÊRÔĐÊ

Mọi người đứng dậy và giải nộp Người cho Philatô. Và họ bắt đầu tố cáo Người:

“Chúng tôi bắt được tên này làm loạn trong nước chúng tôi, hắn cấm nộp thuế cho Cêsarê và xưng mình là Đấng Kitô.”

Philatô hỏi Người:

“Ông là Vua dân Do Thái sao?”

Chúa Giêsu đáp:

✠ Tu dicis.

C. Ait autem Pilátus ad príncipes sacerdotum et turbas:

S. Nihil invénio causæ in hoc hómine.

C. At illi invalescébant, dicéntes:

S. Cómmovet pópulum, docens per unívrsam Iudæam, incípiens a Galilæa usque huc.

C. Pilátus autem áudiens Galilæam, interrogávit, si homo Galilæus esset. Et ut cognóvit, quod de Heródis potestáte esset, remisit eum ad Heródem, qui et ipse Ierosólymis erat illis diébus. Heródes autem, viso Iesu, gávissus est valde. Erat enim cúpiens ex multo témpore vidére eum, eo quod audíerat multa de eo, et sperábat signum áliquod vidére ab eo fieri. Interrogábat autem eum multis sermónibus. At ipse nihil illi respondébat. Stabant autem príncipes sacerdotum et scribæ, constánter accusántes eum. Sprevit autem illum Heródes cum exércitu suo: et illúsit indútum veste alba, et remisit ad Pilátum. Et facti sunt amíci Heródes et Pilátus in ipsa die: nam ántea inimíci erant ad ínvicem. Pilátus autem, convocátis princípibus sacerdotum et magistrátibus et plebe, dixit ad illos:

S. Obtulistis mihi hunc hóminem, quasi averténtem pópulum, et ecce,

✠ Ngài nói phải.

Philatô bảo các đại giáo trưởng rằng:

“Ta không thấy người này có tội gì cả.”

Nhưng họ lại tố cáo:

“Nó giảng dạy xúi dân nổi loạn trong khắp xứ Judêa, từ Galilêa chỗ nó bắt đầu, mãi tới đây.”

Nghe lời ấy, Philatô hỏi Người xem có phải Người là người Galilê chăng. Biết Người thuộc thẩm quyền Hêrôđê, liền sai điệu đến vua Hêrôđê, bấy giờ đang ở Jêrusalem. Thấy Chúa Giê-su, Hêrôđê mừng lắm, vì đã từ lâu nghe nói về Người, vua vẫn ước ao gặp Người, hy vọng được xem Người làm một vài phép lạ. Nhưng vua hỏi Người nhiều câu mà Người chẳng trả lời gì. Các đại giáo trưởng và văn nhân cũng ở đó, hăng hái tố cáo Người. Sau khi cùng với lính hầu sỉ vả nhục báng Người, Hêrôđê truyền mặc cho Người một áo trắng rồi trao trả về cho Philatô. Từ hôm đó, Hêrôđê và Philatô lại trở nên nghĩa thiết, vì trước kia hai người thù địch với nhau. Philatô hội các đại giáo trưởng, các kỳ lão và toàn dân chúng lại, bảo họ rằng:

“Các người nộp người này cho ta vì hắn đã xúi dân làm loạn; ta đã tra xét

ego coram vobis interrogans, nullam causam invéni in hómine isto ex his, in quibus eum accusátis. Sed neque Heródes: nam remísi vos ad illum, et ecce, nihil dignum morte actum est ei. Emendátum ergo illum dimíttam.

C. Necesse autem habébat dimíttre eis per diem festum, unum. Exclamávit autem simul univérsa turba, dicens:

S. Tolle hunc, et dimítte nobis Barábbam.

C. Qui erat propter seditiónem quandam fáciam in civitáte et homicídium missus in cárcerem. Iterum autem Pilátus locútus est ad eos, volens dimíttre Iesum. At illi succlamábant, dicétes:

S. Crucifíge, crucifíge eum.

C. Ille autem tértio dixit ad illos:

S. Quid enim mali fecit iste? Nullam causam mortis invénio in eo: corrípíam ergo illum et dimíttam.

C. At illi instábant vóciibus magnis, postulántes, ut crucifigerétur. Et invalescébant voces eórum. Et Pilátus adiudicávit fíeri petitióem eórum. Dimísit autem illis eum, qui propter homicídium et seditiónem missus fúerat in cárcerem, quem petébat: Iesum vero trádidit voluntáti eórum.

trước mặt các người, nhưng ta không thấy người này can tội các người đã tố cáo. Vua Hêrôđê cũng thấy thế, vì vua đã sai giải đến cho ta. Các người biết đó, người này không có tội gì đáng chết. Nên ta sẽ đánh đòn rồi thả về.”

Nhưng trong dịp lễ, có thói buộc tha cho một người tù. Cả bọn la lên rằng:

“Giết nó đi và tha Baraba cho chúng tôi.”

Người này phải tống lao vì tội làm loạn trong thành và sát nhân. Philatô có ý muốn tha Chúa Giêsu, liền quay lại hỏi họ; nhưng họ la lên rằng:

“Đóng đánh nó vào thập giá!”

Philatô lại hỏi lần thứ ba:

“Người này đã làm chi ác? Ta không thấy người này có tội gì đáng chết cả. Ta sẽ cho đánh đòn rồi thả.”

Họ liền la lên: “Phải đóng đánh hắn vào thập giá!” Họ cứ la to mãi lên. Lúc đó Philatô mới chịu nhượng bộ trước lời yêu cầu của họ. Ông tha cho tội nhân phiến loạn và sát nhân, như lời yêu cầu của dân chúng còn Chúa Giêsu, ông trao Người theo ý họ.

Et cum dúcerent eum, apprehendérunt Simónem quendam Cyrenensem, veniéntem de villa: et imposuérunt illi crucem portáre post Iesum. Sequebátur autem illum multa turba pópuli, et mulíerum, quæ plangébant et lamentabántur eum. Convérsus autem ad illas Iesus dixit:

✠ Filiae Ierúsalem, nolíte flere super me, sed super vos ipsas flete et super filios vestros. Quóniam ecce veniént dies, in quibus dicent: Beátæ stériles, et veníres, qui non genuérunt, et úbera, quæ non lactavérunt. Tunc incípient dícere móntibus: Cádite super nos; et cóllibus: Operíte nos. Quia si in víridi ligno hæc faciunt, in árido quid fiet?

C. Ducebántur autem et alii duo nequam cum eo, ut interficeréntur. Et postquam venérunt in locum, qui vocátur Calvária, ibi crucifixérunt eum: et latrónes, unum a dextris et álterum a sinístris. Iesus autem dicebat:

✠ Pater, dimítte illis: non enim sciunt, quid faciunt.

TRENI ĐƯỜNG LÊN NÚI SỌ

Trong khi điệu Chúa Giêsu đi, họ chặn bước một người tên là Simon, xứ Xyrênê, đang ở ngoài đồng về. Họ bắt ông vác thập giá đi theo Chúa Giêsu. Dân chúng từng đoàn lũ theo Người đông đúc, nhất là đám phụ nữ, họ đấm ngực và than khóc. Chúa Giêsu quay lại và bảo họ:

✠ Hỡi các phụ nữ Jérusalem, chớ khóc thương Ta, nhưng hãy khóc thương mình và con cái các người vì có ngày người ta sẽ nói: Phúc thay những đàn bà son sẻ, những lòng không sinh con và những vú không cho bú. Lúc đó người ta sẽ bảo núi non: Hãy đổ xuống trên mình chúng tôi; và bảo các đồi: Hãy chôn vùi chúng tôi! Vì nếu người ta xử với cây xanh như thế, cây khô sẽ ra thế nào?

GIỜ TẮT THỜ

Có hai tên gian ác cũng bị dẫn đi xử với Người. Khi tới một nơi gọi là Calvariô, chúng đóng đinh Người vào thập giá, với hai tên gian ác, một đứa bên phải, một đứa bên trái. Chúa Giêsu liền kêu lên:

✠ Lạy Cha, xin tha cho chúng, vì chúng không biết việc chúng làm.

C. Dividéntes vero vestiménta eius, misérunt sortes. Et stabat pópulus spectans, et deridébant eum príncipes cum eis, dicéntes:

S. Alios salvos fecit: se salvum fáciat, si hic est Christus Dei electus.

C. Illudébant autem ei et mílites accedéntes, et acétum offeréntes ei, et dicéntes:

S. Si tu es Rex Iudæórum, salvum te fac.

C. Erat autem et superscríptio scripta super eum lítteris græcis et latínis et hebráicis: Hic est Rex Iudæórum. Unus autem de his, qui pendébant, latrónibus, blasphemábat eum, dicens:

S. Si tu es Christus, salvum fac temetípsum, et nos.

C. Respóndens autem alter increpábat eum, dicens:

S. Neque tu times Deum, quod in eadem damnatióne es. Et nos quidem iuste, nam digna factis recípiamus: hic vero nihil mali gessit.

C. Et dicebat ad Iesum:

Rồi họ rút thăm chia áo xống của Người. Dân chúng đứng đó nhìn xem; các quan lại chế diễu Người:

“Hắn đã cứu những người khác, nếu là Kitô, kẻ Thiên Chúa chọn, thì hãy cứu lấy mình đi.”

Bọn lính cũng chế nhạo Người, họ đến gần đưa giấm cho Người và nói:

“Nếu ông là Vua người Do Thái, hãy cứu lấy mình đi.”

Trên đầu Người có một bản án viết bằng tiếng Hy Lạp, Latinh và Do Thái: “Người này là Vua dân Do thái.” Một trong hai người gian ác cũng bị đóng đinh trên thập giá rửa Người:

“Nếu ông là Kitô, thì hãy cứu lấy mình và cứu cả chúng tôi nữa.”

Nhưng đứa kia mắng lại:

“Anh cũng chịu một khổ hình mà anh không sợ Thiên Chúa ư? Đối với chúng ta, đó chỉ là sự công bằng, vì chúng ta chịu phạt thật đáng với tội chúng ta, còn người này, có làm chi xấu đâu.”

Rồi anh ta thưa với Chúa Giêsu:

S. Dómine, meménto mei, cum véneris in regnum tuum.

C. Et dixit illi Iesus:

✠ Amen, dico tibi: Hódie mecum eris in paradíso.

C. Erat autem fere hora sexta, et ténebræ factæ sunt in univérsam terram usque in horam nonam. Et obscurátus est sol: et velum templi scissum est médium. Et clamans voce magna Iesus, ait:

✠ Pater, in manus tuas comméndo spíritum meum.

C. Et hæc dicens, exspirávit.

Videns autem centúrio quod factum fúerat, glorificávit Deum, dicens:

S. Vere hic homo iustus erat.

C. Et omnis turba eórum, qui simul áderant ad spectáculum istud et vidébant, quæ fiébant, percutiéntes péctora sua revertébántur. Stabant autem omnes noti eius a longe, et muléres, quæ secútæ eum erant a Galiléa, hæc vidéntes.

Et ecce, vir nómine Ioseph, qui erat decúrio, vir bonus et iustus: hic non consénserat consílio et áctibus

“Lạy Chúa, khi nào về nước Người, xin hãy nhớ đến tôi.”

Chúa Giêsu đáp:

✠ Tôi bảo thực với anh, hôm nay anh sẽ ở cùng Tôi trên Thiên Đàng.

Lúc ấy vào quãng trưa, mặt trời tối lại, và bóng tối tràn lan khắp mặt đất cho đến ba giờ chiều. Mặt trời ra tối tăm. Màn trong Đền thờ xé ra làm đôi. Đoạn Chúa Giêsu kêu lớn tiếng:

✠ Lạy Cha, Con phó linh hồn Con trong tay Cha.

Nói rồi, Người tắt thở.

Quyên yên lặng mấy phút mặc niệm.

Thấy việc vừa xảy ra, viên đội trưởng ngợi khen Thiên Chúa rằng:

“Ông này thực là Đấng thánh.”

Dân chúng đến xem thấy vậy, đấm ngực trở về. Các người thân thuộc của Chúa đứng ở xa, nhất là các phụ nữ, họ theo Người từ xứ Galilê và quan sát mọi việc đã xảy ra.

CUỘC MAI TÁNG

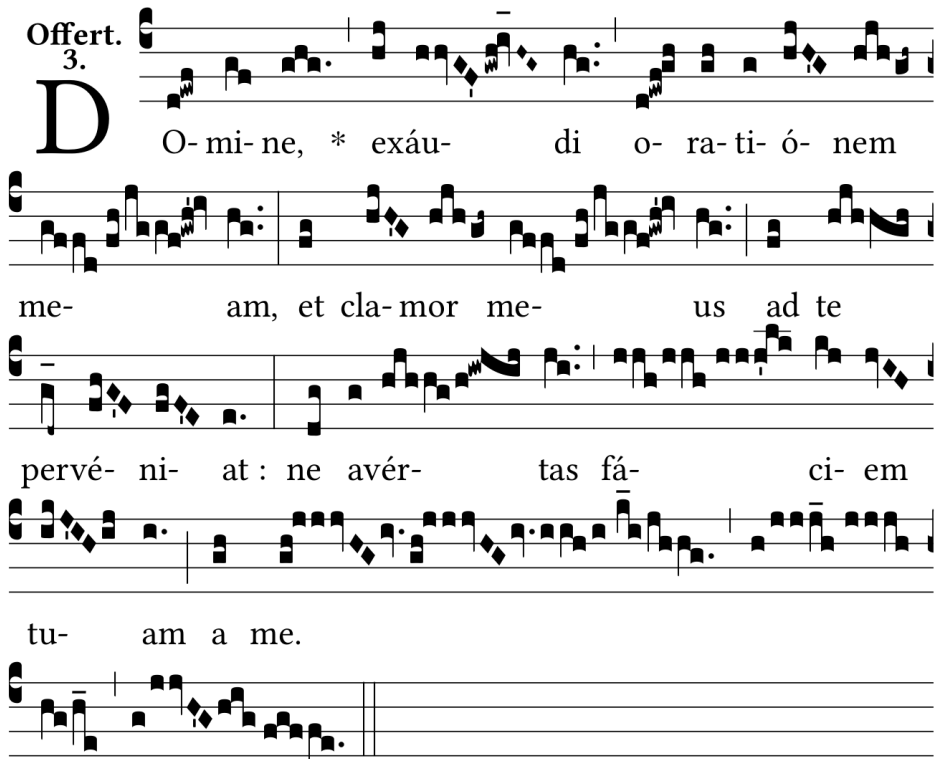
Có một người tên là Giuse, là nhân viên trong hội đồng, một người công chính tốt lành. Ông không tán thành ý

eórum, ab Arimathæa civitaté Iudææ, qui exspectábat et ipse regnum Dei. Hic accéssit ad Pilátum et pétiit corpus Iesu: et depósitum invólvit síndone, et pósuit eum in monuménto excíso, in quo nondum quisquam pósitus fúerat.

định và hành động của những người kia. Ông sinh tại Arimathia, thuộc xứ Judêa, ông vẫn mong nước Thiên Chúa. Ông đến cùng Philatô để xin xác Chúa Giêsu. Hạ xác Người xuống rồi, ông liệm trong khăn, táng trong mồ đục vào đá, nơi đó chưa chôn cất ai.

CA DÂNG LỄ

Offert.
3.



D O-mi-ne, * exáu-di o-ra-ti-ó-nem
me-am, et cla-mor me-us ad te
pervé-ni-at: ne avér-tas fá-ci-em
tu-am a me.

Dómine, exáudi oratiónem meam, et clamor meus ad te pervéniat: ne avértas fáciem tuam a me.

Lạy Chúa, xin nghe lời con cầu nguyện và cho lời con kêu lên tới Chúa: Xin Chúa đừng trở mặt đi khỏi con.

KINH DÂNG LỄ

Súscipe, quæsumus, Dómine, munus oblátum, et dignánte operáre: ut, quod passiónis Fílii tui, Dómini nostri, mystério gérimus, piis afféctibus consequámur. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum Fílium tuum, qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti, Deus, per ómnia sæcula sæculórum.

Lạy Chúa, xin hãy nhận lễ vật chúng tôi dâng tiến Chúa, nhờ lòng từ bi của Chúa và tâm tình sốt mến của chúng tôi, chúng tôi được hưởng nhờ công việc cử hành cuộc khổ nạn nhiệm mầu của Con Chúa, là Chúa chúng tôi. Vì cũng một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

KINH TIỀN TỤNG

KINH TIỀN TỤNG LỄ THÁNH GIÁ

Vere dignum et iustum est, æquum et salutáre, nos tibi semper et ubique grátias ágere: Dómine sancte, Pater omnípotens, ætérne Deus: Qui salutem humáni géneris in ligno Crucis constituísti: ut, unde mors oriebátur, inde vita resúrgeret: et, qui in ligno vincébat, in ligno quoque vincerétur: per Christum, Dóminum nostrum. Per quem maiestátem tuam laudant Angeli, adórant Dominatiónes, tremunt Potestátes. Cæli cælórúmque Virtútes ac beáta Séraphim sócia exsultatióne concélebrant. Cum quibus et nostras voces ut admítta iúbeas, deprecámur, súpplici confessióne dicétes:

Lạy Chúa, là Cha chí thánh, là Thiên Chúa toàn năng hằng hữu, việc chúng tôi cảm tạ Chúa mọi nơi, mọi lúc, thật là chính đáng, công bình, và hữu ích cho phần rỗi chúng tôi. Chúa đã dùng Cây Thánh Giá mà cứu rỗi nhân loại, để vì cây trái cấm mà nhân loại phải chết, thì nay nhờ Cây Thánh Giá mà được sống; và ma quỷ xưa đã thắng nhờ cây trái cấm, thì nay bại trận vì Cây Thánh Giá, nhờ Đức Kitô, Chúa chúng tôi. Nhờ Người, các Thiên Thần ca ngợi uy linh Chúa, các Quản Thần thờ lạy, các Quyền Thần kính sợ, Thiên Quốc và toàn thể đạo binh trên trời cùng với các đấng Sêraphim đồng hân hoan chúc tụng Chúa. Xin cho chúng tôi được đồng thanh cùng các đấng ấy thành khẩn tung hô rằng:

CA CHỊU LỄ

Comm.
2.

P



Otum me- um * cum fle- tu tempe-rá-



bam : qui- a é-le-vans al-li-sísti me : et e- go



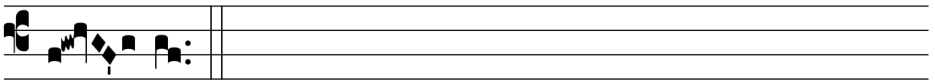
sic-ut fenum á- ru- i : tu autem, Dó-mi- ne, in ae-



tér- num pérma- nes : tu exsúrgens mi-se-ré-be-ris



Si- on, qui- a ve-nit tempus mi-se-ré-ndi e-



jus.

Potum meum cum fletu
temperábam: quia élevans allisísti me:
et ego sicut fænum áruí: tu autem,
Dómine, in ætérnum pérmanes: tu
exsúrgens miseréberis Sion, quia venit
tempus miseré-ndi eius.

Nước con uống pha lẫn giọt lệ. Chúa
đưa con lên để vút bỏ con, và thân
con tàn héo như cây cỏ, còn Chúa,
lạy Chúa, Chúa đứng vững muốn
đời. Xin Chúa chối dậy thương xót
Sion, vì đã đến giờ để Chúa thương.

KINH TẠ LỄ

Largire sénsibus nostris, omnípotens Deus: ut, per temporálem Fílii tui mortem, quam mystéria veneránda testántur, vitam te nobis dedísse perpétuam confidámus. Per eúndem Dóminum nostrum Iesum Christum Fílium tuum, qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti, Deus, per ómnia sǎcula sǎculórum.

Lạy Chúa, xin cho chúng tôi được tin vững vàng rằng: Nhờ cái chết tạm thời của Chúa xưa, mà Thánh Thể là chúng vật đây, Chúa đã ban cho chúng tôi sự sống đời đời. Vì cũng một Đức Giêsu Kitô, Con Chúa cùng là Chúa chúng tôi, Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.

LỜI NGUYỆN CHÓT

Orémus

Humiliáte cápita vestra Deo.

Réspice, quásumus, Dómine, super hanc famíliam tuam, pro qua Dóminus noster Iesus Christus non dubitávit mánibus tradi nocéntium, et Crucis subíre torméntum. Qui tecum vivit et regnat in unitáte Spíritus Sancti Deus per ómnia sǎcula sǎculórum.

Chúng ta hãy cầu nguyện

Hãy cúi đầu trước Thiên Chúa.

Lạy Chúa, xin Chúa trông xem gia đình Chúa đây, vì gia đình này mà Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng tôi, đã chẳng ngần ngại tự nộp mình trong tay quân dữ, và chịu chết trên Thánh Giá. Đấng hằng sống hằng trị, làm một cùng Đức Chúa Thánh Thần đời đời chẳng cùng.